CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Bất động sản điện lực Miền Trung

Ngày 30/09/2025	4,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	18.4%	**-2.2%**	**-**

DT thuần
Q3/25
25.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼27.3| -52.1%
YoY: ▲ 2.00| 8.5%

LN thuần
Q3/25
-2.61
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.42| 67.5%
YoY: ▲ 4.17| 61.5%

LN sau thuế
Q3/25
-2.73
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.44| 66.5%
YoY: ▲ 3.90| 58.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
3.8%
YoY: +/-▲ 4.5%

ROE (TTM)
Q3/25
-5.8%
YoY: +/-▲ 0.6%

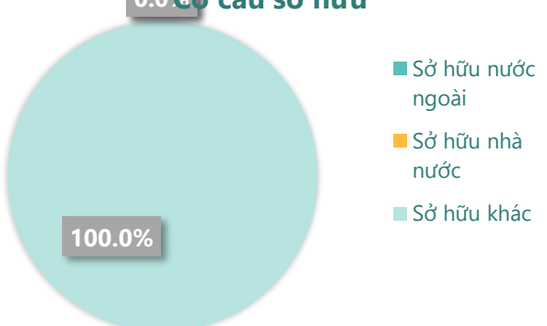
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	117
Số lượng CPLH (CP)	26,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,380
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.13)
EPS	-687
P/E	-6.5

DT thuần
9T 2025
95.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.7| 74.6%

LN thuần
9T 2025
-18.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.9| 55.9%

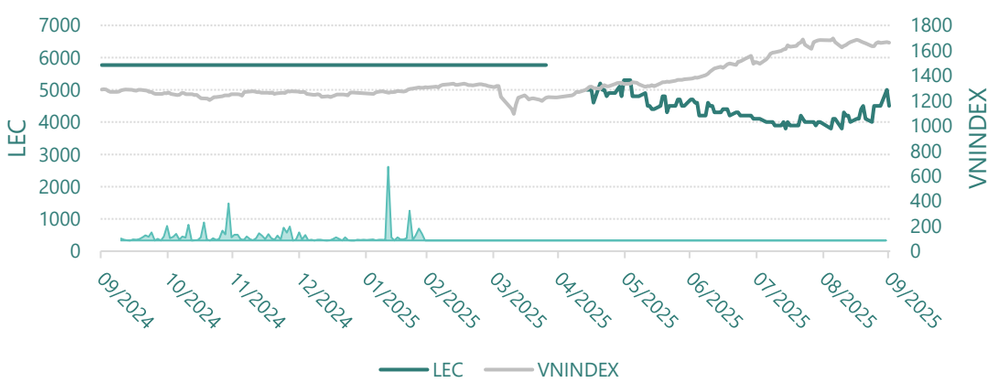
LN sau thuế
9T 2025
-18.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.7| 55.2%

Cơ cấu sở hữu

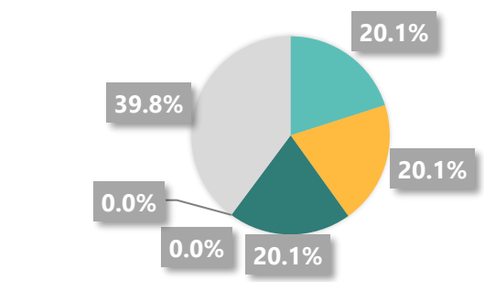


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



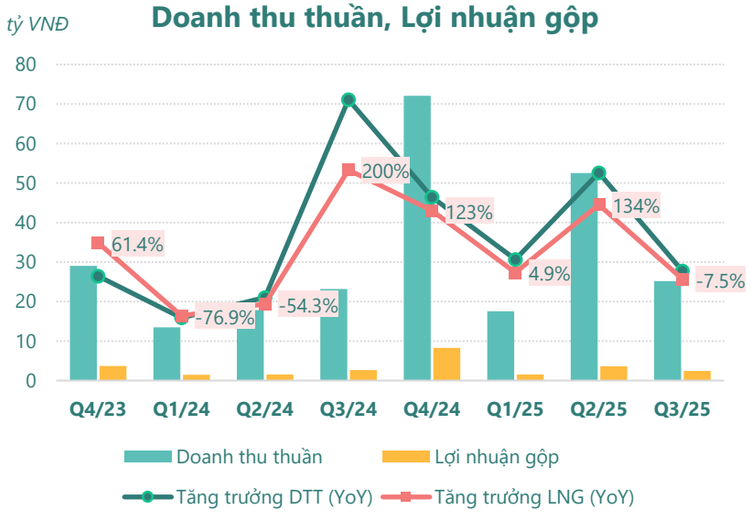
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

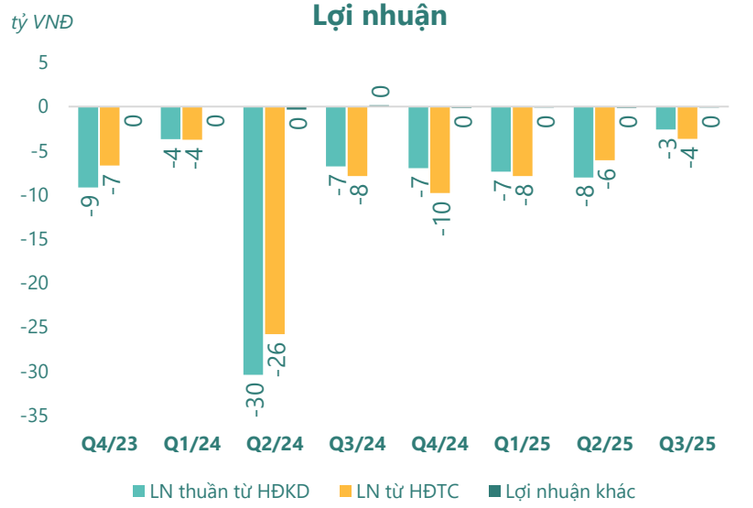
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



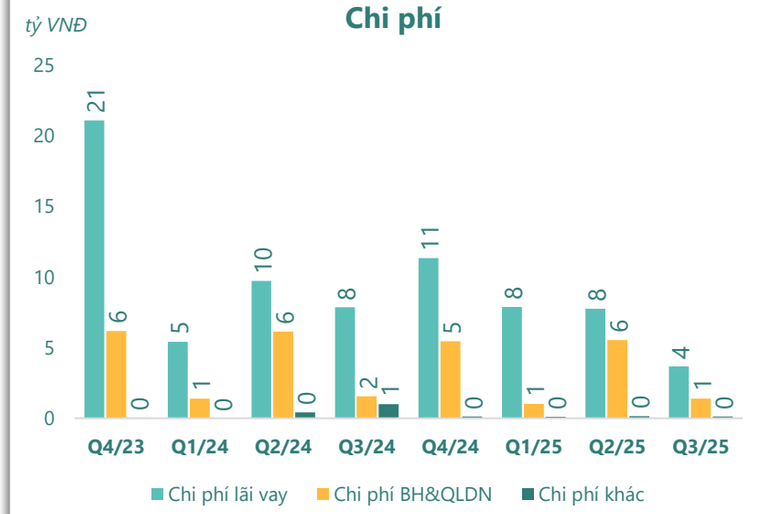
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



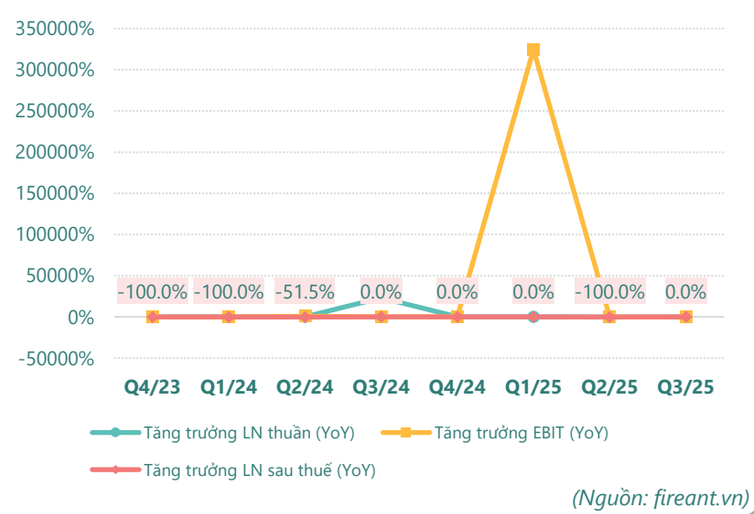
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



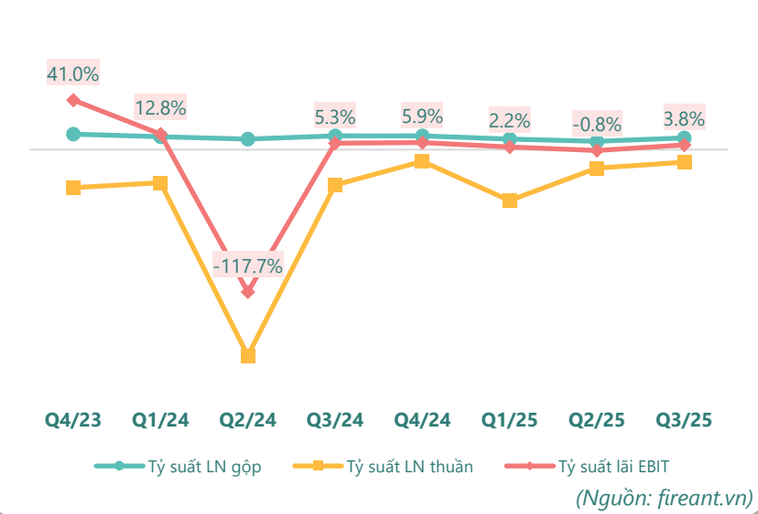
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



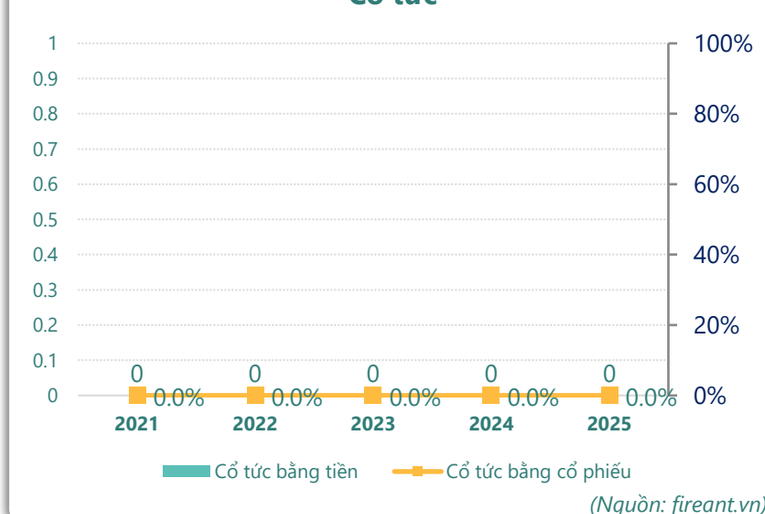
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

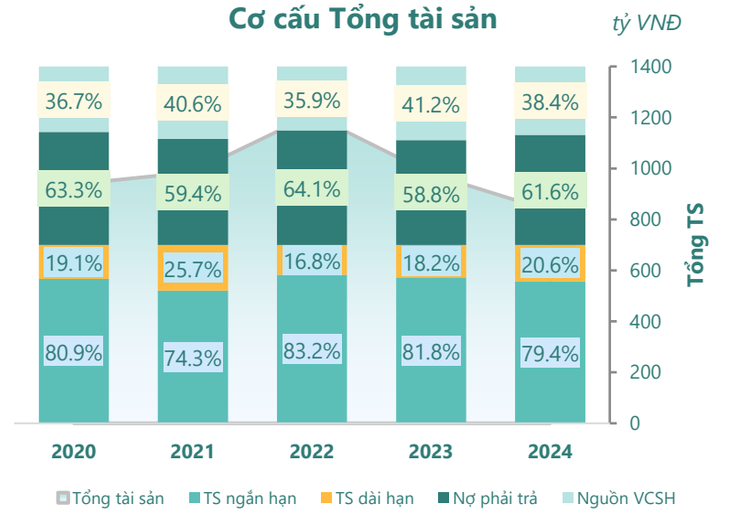
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

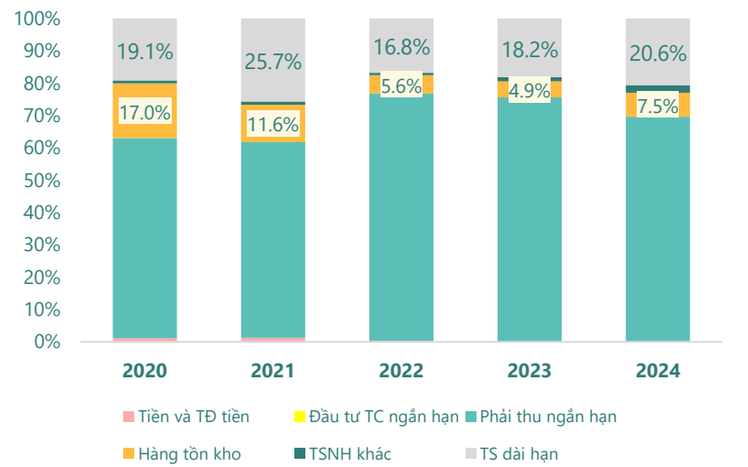
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



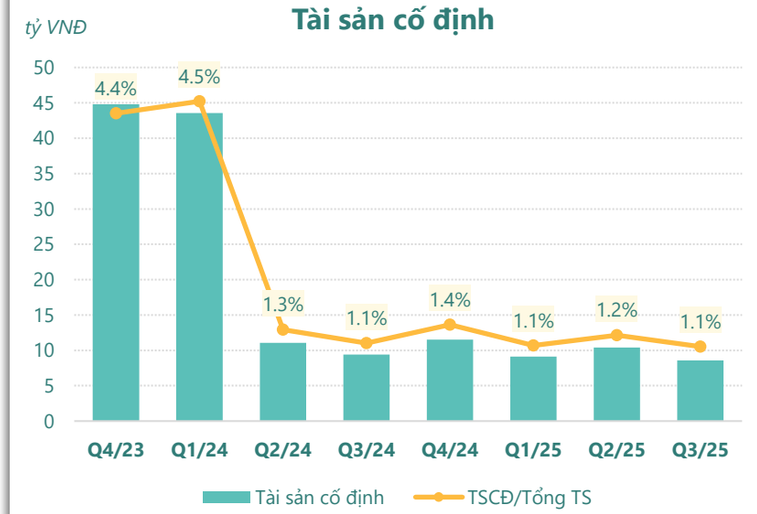
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



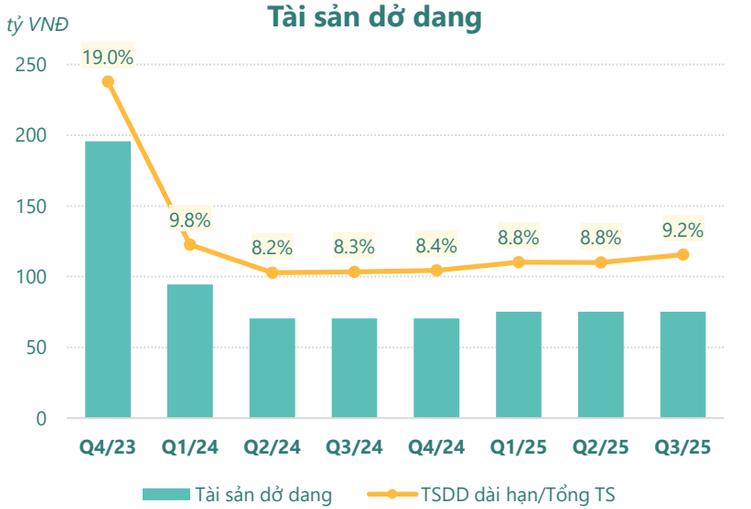
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



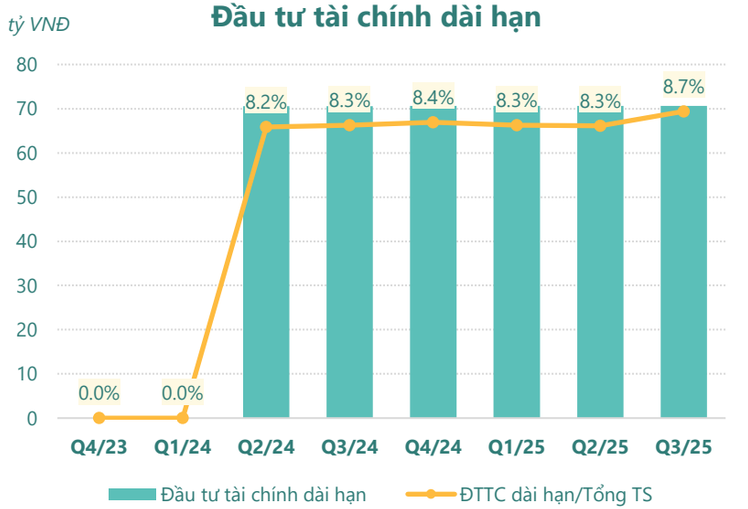
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



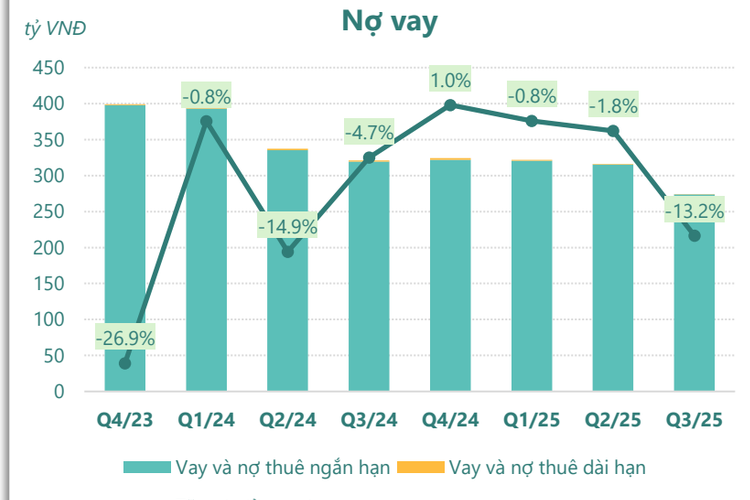
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

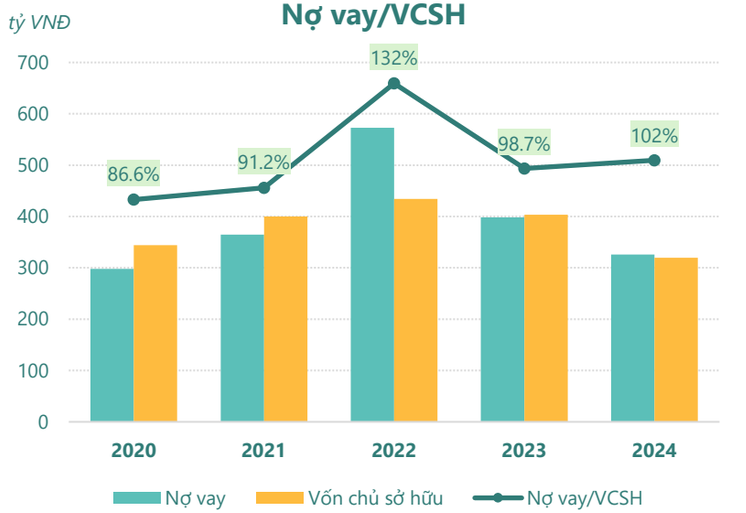
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



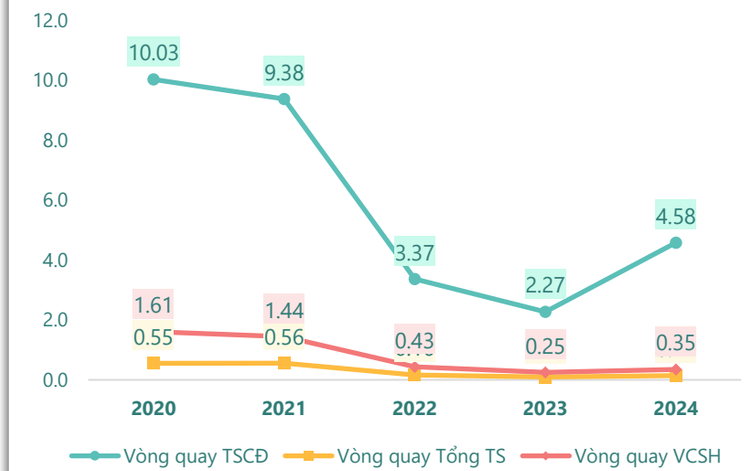
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



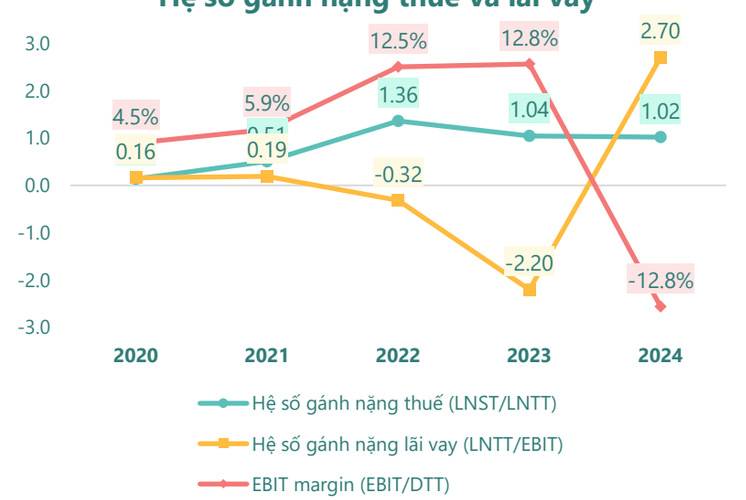
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



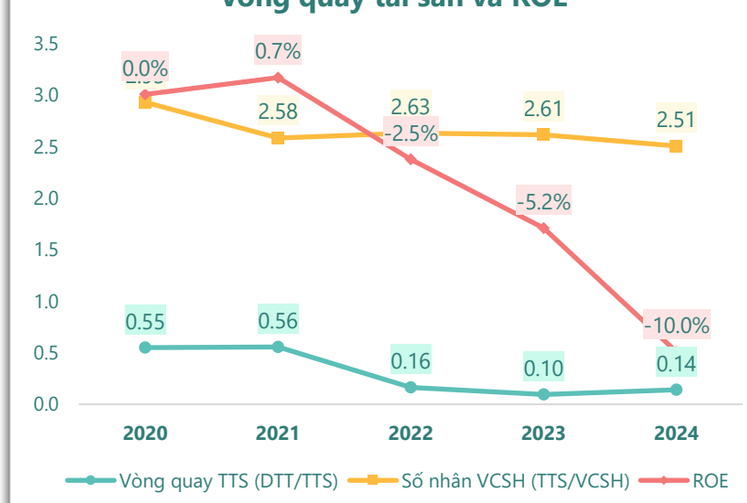
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



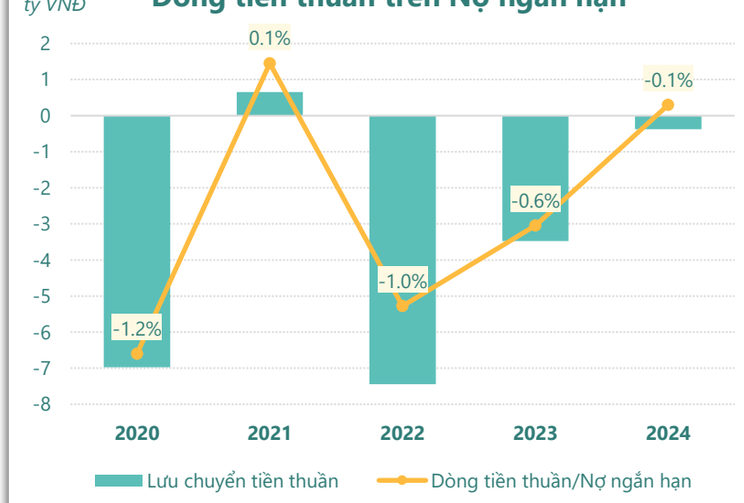
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**25.2**	**23.2**	**8.5%**	**95.2**	**54.5**	**74.6%**
Giá vốn hàng bán	22.7	20.6	10.3%	87.7	48.9	79.2%
Lợi nhuận gộp	2.45	2.65	-7.7%	7.57	5.63	34.3%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.00		1.73	4.16	-58.4%
Chi phí TC	3.69	7.86	-53.1%	19.3	41.6	-53.5%
Chi phí lãi vay	3.69	7.86	-53.1%	19.3	23.0	-16.0%
LN trong công ty LKLD	**-0.01**	**0.00**		**-0.01**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.00	-100%
Chi phí QLDN	**1.40**	**1.57**	**-11.0%**	**7.96**	**9.10**	**-12.5%**
LN thuần từ HĐKD	-2.61	-6.78	61.5%	-18.0	-40.9	55.9%
Lợi nhuận khác	**-0.12**	**0.15**	**-181%**	**-0.39**	**-0.18**	**-109%**
LN trước thuế	-2.73	-6.63	58.8%	-18.4	-41.1	55.2%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.73**	**-6.63**	**58.8%**	**-18.4**	**-41.1**	**55.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.75**	**-4.06**	**56.9%**	**-12.5**	**-34.5**	**63.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-52.0	-12.4	78.6	0	19.9	43.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	60.2	28.6	-27.4	0	2.99	-5.52
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.54	-15.8	-47.5	0	-20.9	-40.1
Tiền đầu kỳ	1.38	0.97	1.33	0	0.86	2.87
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.41**	**0.35**	**3.67**	**0**	**2.01**	**-1.78**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.97	1.33	5.00	0	2.87	1.09

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**814**	**833**	**-2.3%**
Tài sản ngắn hạn	648	662	-2.0%
Tiền và tương đương tiền	1.09	0.75	45.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	556	579	-4.0%
Hàng tồn kho	67.0	62.3	7.6%
Tài sản ngắn hạn khác	24.4	19.4	25.8%
Tài sản dài hạn	**165**	**172**	**-3.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.57	11.1	-23.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	75.2	75.2	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	70.6	70.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.20**	**0.21**	**-2.1%**
Lợi thế thương mại	10.8	14.4	-25.4%
Nợ phải trả	513	514	-0.2%
Nợ ngắn hạn	**512**	**512**	**0.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	274	324	-15.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	142	140	1.7%
Nợ dài hạn	0.64	1.40	-54.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.52	1.28	-59.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**301**	**320**	**-5.8%**
Vốn chủ sở hữu	**301**	**320**	**-5.8%**
Vốn điều lệ	261	261	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)